TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **281**/2023/HNGĐ - ST
Ngày 01 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 57/2023/QĐST-HN ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phan Thị H**, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp A, xã BĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Lê Phạm Thanh H1**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp A, xã BĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: chị và anh H1 kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do thường xuyên cự cãi trong gia đình. Từ tháng 11/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 26/02/2014. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Phạm Thanh H1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đương sự là nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt hai bên đương sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Phan Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phạm Thanh H1. Anh H1 có nơi cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp ly hôn, nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[1.2] Chị Phan Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt hợp lệ. Anh Lê Phạm Thanh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 174, 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay.

Anh Lê Phạm Thanh H1 vắng mặt cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[2.2] Xét thấy, các tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập được và trình bày của chị H thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị H đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp Bình Châu, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An

sinh sống từ tháng 11/2022 cho đến nay, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn, anh H1 cũng không quan tâm đến chị và con. Từ khi Toà án thụ lý và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1 nhưng anh vẫn không có văn bản thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là không thể hàn gắn, vợ chồng sống xa cách đã lâu, đời sống chung vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh H1.

[2.3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 26/02/2014. Con hiện đang sống với chị H, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T hiện đang sống với mẹ tại ấp Bình Châu, xã Tuyên Bình Tây, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, đã có cuộc sống ổn định và được đi học tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Bình, có xác nhận của Hiệu trưởng (bút lục số 19). Cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Cho nên để cháu có cuộc sống ổn định và thuận tiện cho việc học tập và chăm sóc của mẹ đối với trẻ, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 238, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Lê Phạm Thanh H1.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 26/02/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo qui định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung**:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021475 ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên chị đã thi hành xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Châu Thành;
-UBND xã Bình Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Tiên